

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 453/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 5 - 2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Nguyên
- Ông Võ Hoàng Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Hoàng Phương Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 880/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện B, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bích T1 và ông Nguyễn Minh T2 tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2015, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2016 ngày 26 tháng 10 năm 2016. Thời gian đầu bà T1 và ông T2 chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T2 ham mê cờ bạc. Mặc dù đã được

khuyên nhủ nhiều lần, nhưng ông T2 vẫn không thay đổi mà còn dùng lời lẽ xúc phạm, bạo lực với bà T1.

Tháng 8/2024 sau khi vợ chồng cự cãi trầm trọng thì ông T2 đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và chính thức sống ly thân với bà T1 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông T2 có liên hệ với bà T1 để hàn gắn tình cảm gia đình, nhưng bà T1 không đồng ý.

Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T1 được ly hôn với ông T2.

Về con chung: Bà T1 và ông T2 chung sống với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 20/12/2016, giới tính nữ, hiện đang sống cùng với bà T1; và Nguyễn Minh T3, sinh ngày 18/5/2021, giới tính nam, hiện đang sống cùng với ông T2. Khi ly hôn, bà T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Y, yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi trẻ Y mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); và đồng ý giao trẻ T3 cho ông T2 trực tiếp nuôi, bà T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T1 và ông T2 không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T1 và ông T2 không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T2 trình bày:

Ông Nguyễn Minh T2 thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bích T1 về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn thì ông T2 xác định vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Đến tháng 8/2024 do vợ chồng xảy ra cự cãi về tiền bạc nên ông T2 bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và chính thức sống ly thân với bà T1 từ đó đến nay. Ông T2 thừa nhận trước đây ông T2 có ham mê cờ bạc, gây nợ nần cho gia đình, làm cho bà T1 buồn. Tuy nhiên, hiện nay ông T2 đã bỏ cờ bạc và tu chí làm ăn nên sau khi ly thân, ông T2 có nhiều lần liên hệ, gặp gỡ để năn nỉ bà T1 hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà T1 không đồng ý. Nay ông T2 vẫn còn thương vợ con nên ông T2 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T1. Ông T2 xin được đoàn tụ.

Trường hợp Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì ông T2 yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Minh T3, sinh ngày 18/5/2021, giới tính nam, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi trẻ T3; và đồng ý giao trẻ Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 20/12/2016, giới tính nữ cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T2 đồng ý cấp dưỡng nuôi trẻ Y mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ngoài ra, ông T2 không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T1 vẫn giữ nguyên các yêu cầu sau:

- Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T2.

- Yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 20/12/2016, giới tính nữ và yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi trẻ Y mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Đồng ý giao con chung tên Nguyễn Minh T3, sinh ngày 18/5/2021, giới tính nam cho ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng, bà T1 không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T2 vắng mặt, nhưng có lời trình bày như sau:

- Không đồng ý ly hôn với bà T1.

- Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì ông T2 yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Minh T3, sinh ngày 18/5/2021, giới tính nam, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi trẻ T3; và đồng ý giao con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 20/12/2016, giới tính nữ cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T2 đồng ý cấp dưỡng nuôi trẻ Y mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T1 được ly hôn với ông Nguyễn Minh T2.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 20/12/2016 cho bà Nguyễn Thị Bích T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ông Nguyễn Minh T2 cấp dưỡng nuôi trẻ Y mỗi tháng 3.000.000 đồng. Giao trẻ Nguyễn Minh T3 cho ông Nguyễn Minh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ T3 đối với bà T1.

- Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T1 yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Minh T2. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Minh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T2.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2016 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố H cấp ngày 26 tháng 10 năm 2016 thì hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích T1 và ông Nguyễn Minh T2 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời bà T1 trình bày thì bà T1 và ông T2 phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, nguyên nhân là do ông T2 ham mê cờ bạc. Bà T1 đã khuyên nhủ và tha thứ cho ông T2 nhiều lần, nhưng ông T2 vẫn không thay đổi. Nay bà T1 không còn tình cảm với ông T2, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà T1 yêu cầu Tòa án cho bà T1 được ly hôn với ông T2.

Đối với ông T2 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời trình bày không đồng ý ly hôn với bà T1 và xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay là về kinh tế, tiền bạc. Đồng thời, ông T2 thừa nhận trước đây ông T2 có ham mê cờ bạc, gây nợ nần cho gia đình, làm cho bà T1 buồn. Tuy nhiên, hiện nay ông T2 đã bỏ cờ bạc và tu chí làm ăn nên sau khi ly thân, ông T2 có nhiều lần liên hệ, gặp gỡ để năn nỉ bà T1 hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà T1 không đồng ý.

Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố H thì: Bà Nguyễn Thị Bích T1 và ông Nguyễn Minh T2 có 02 con chung:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Như Y, sinh năm 2016 hiện ở với bà Nguyễn Thị Bích T1 tại D3/16A Ấp 9, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Họ và tên: Nguyễn Minh T3, sinh năm 2021 hiện ở với ông Nguyễn Minh T2 tại B12/10 Ấp 6, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà T1 và ông T2 không có tài sản chung.

Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa bà T1 và ông T2 xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc sống ly thân thời gian dài. Trong thời gian ly thân, hai bên không thể hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân bà T1 không còn yêu thương và không còn muốn tiếp tục chung sống với ông T2. Ông T2 trình bày vẫn còn thương vợ con, nhưng lại không đưa ra được biện pháp đoàn tụ, thuyết phục bà T1 hàn gắn gia đình nên Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, việc ông T2 xin đoàn tụ là không có căn cứ; bà T1 xin ly hôn với ông T2 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Bà T1 và ông T2 xác định có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 20/12/2016, giới tính nữ và Nguyễn Minh T3, sinh ngày 18/5/2021, giới tính nam.

Khi ly hôn, bà T1 yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Y và đồng ý giao trẻ T3 cho ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông T2 cũng có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ T3 và đồng ý giao trẻ Y cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn giữa bà T1 và ông T2 không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của trẻ Y và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T1 yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi trẻ Y mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); ông T2 cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi trẻ Y với mức cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo yêu cầu của bà T1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi trẻ T3 do ông T2 không yêu cầu bà T1 cấp cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Bà T1 và ông T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung: Bà T1 và ông T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T1 phải chịu án phí ly hôn; ông Nguyễn Minh T2 phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích T1 đối với ông Nguyễn Minh T2.

Bà Nguyễn Thị Bích T1 được ly hôn với ông Nguyễn Minh T2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2016 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố H cấp ngày 26 tháng 10 năm 2016 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 20/12/2016, giới tính nữ cho bà Nguyễn Thị Bích T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Nguyễn Minh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Y mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 12 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 12/5/2025.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Bích T1, nếu ông Nguyễn Minh T2 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông T2 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2.2. Giao con chung tên Nguyễn Minh T3, sinh ngày 18/5/2021, giới tính nam cho ông Nguyễn Minh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông T2 không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con chung có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai có quyền cản trở quyền thăm nom con chung.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích T1 và ông Nguyễn Minh T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích T1 và ông Nguyễn Minh T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051096 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Minh T2 phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**



Bùi Xuân Hương